TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2024
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn K, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1992; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thùy D, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1993; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2024 và biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2024 của nguyên đơn anh Lê Văn K trình bày: Anh và chị Trần Thị Thuỳ D cưới nhau năm 2012, trước khi cưới cả hai có tìm hiểu nhau một thời gian rồi mới tiến tới hôn nhân. Cả hai có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới cả hai về sống chung với gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến tháng 3 năm

2023 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, dẫn đến vợ chồng thường hay cải nhau do chị D mê cờ bạc, anh khuyên không được và từ đó chị D dọn đồ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cả hai đã không còn sống chung từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thuỳ D. Về con chung, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 và Lê Thị Kim T, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016, không yêu cầu chị Trần Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống anh với chị Trần Thị Thuỳ D không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Thị Thuỳ D đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 08 tháng 11 năm 2024, cháu Lê Thị Kim N trình bày: Ba và mẹ ly hôn, con muốn ở với ba.

Tại bản khai ngày 08 tháng 11 năm 2024, cháu Lê Thị Kim T trình bày: Ba và mẹ li hôn, con muốn sống với ba.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Văn K được ly hôn với chị Trần Thị Thùy D; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 và Lê Thị Kim T, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016, cho anh Lê Văn K tiếp tục nuôi dưỡng, chị Trần Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn K không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn K trình bày không có, còn chị Trần Thị Thùy D không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn anh Lê Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị Thùy D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Văn K và chị Trần Thị Thùy D là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù

hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn K đối với chị Trần Thị Thùy D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của anh Lê Văn K thì cuộc sống của chị và chị Trần Thị Thùy D không còn hạnh phúc từ tháng 3 năm 2023 do hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, dẫn đến vợ chồng thường hay cải nhau do chị D mê cờ bạc, anh khuyên không được và từ đó chị D dọn đồ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh K và chị D hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Lê Văn K ly hôn với chị Trần Thị Thùy D.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh Lê Văn K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 và Lê Thị Kim T, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016, không yêu cầu chị Trần Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh Lê Văn K và chị Trần Thị Thùy D không còn sống chung và hiện nay thì con chung do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và 02 cháu cũng có nguyện vọng được sống với ba, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn K cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Trần Thị Thùy D không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn K, cho ly hôn giữa anh Lê Văn K và chị Trần Thị Thùy D.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Lê Văn K được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Thị Kim N, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2012 và Lê Thị Kim T, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2016.

2.2. Chị Trần Thị Thùy D không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn K chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006289 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.PTB, H.Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng